

THUẾ GTGT ĐƯỢC KHẤU TRỪ, HOÀN LẠI, MIỄN GIẢM

Từ ngày: 01/01/2020 đến ngày: 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền VND	
		Kỳ này	Lũy kế từ đầu năm
I. Thuế GTGT được khấu trừ			
1. Số thuế GTGT còn được khấu trừ, còn được hoàn lại đầu kỳ	10	14.423.431.953	
2. Số thuế GTGT được khấu trừ phát sinh	11	10.225.339.872	10.225.339.872
3. Số thuế GTGT đã khấu trừ, đã hoàn lại, thuế GTGT hàng mua trả lại và không được khấu trừ	12	7.381.693.848	7.381.693.848
Trong đó			
a. Số thuế GTGT đã khấu trừ	13	7.196.361.971	7.196.361.971
b. Số thuế GTGT đã hoàn lại	14		
c. Số thuế GTGT hàng mua trả lại, giảm giá hàng mua	15	185.331.877	185.331.877
d. Số thuế GTGT không được khấu trừ	16		
4. Số thuế GTGT còn được khấu trừ, còn được hoàn lại cuối kỳ (17=10+11-12)	17	17.267.077.977	
II - Thuế GTGT được hoàn lại			
1. Số thuế GTGT được hoàn lại đầu kỳ	20		
2. Số thuế GTGT được hoàn lại phát sinh	21		
3. Số thuế GTGT đã hoàn lại	22		
4. Số thuế GTGT còn được hoàn lại cuối kỳ (23=20+21-22)	23		
III. Thuế GTGT được giảm			
1. Số thuế GTGT còn được giảm đầu kỳ	30		
2. Số thuế GTGT được giảm phát sinh	31		
3. Số thuế GTGT đã được giảm	32		
4. Số thuế GTGT còn được giảm cuối kỳ (33 =30+31-32)	33		
IV. Thuế GTGT hàng bán nội địa			
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa còn phải nộp đầu kỳ	40	2.738.308.426	
2. Thuế GTGT đầu ra phát sinh	41	11.913.001.602	11.913.001.602
3. Thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ	42	7.196.361.971	7.196.361.971
4. Thuế GTGT hàng bán bị trả lại, bị giảm giá	43	475.372	475.372
5. Thuế GTGT được giảm trừ vào số thuế phải nộp	44		
6. Thuế GTGT hàng bán nội địa đã nộp vào Ngân sách Nhà nước	45	4.777.011.361	4.777.011.361
7. Thuế GTGT hàng bán nội địa còn phải nộp cuối kỳ (46=40+41-42-43-44-45)	46	2.677.461.324	

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

[Signature]
Hòa Thanh Hương

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

[Signature]
Trần Thị Đức Hậu

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

